

BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA THƯỜNG XUYÊN
Học kỳ 2 - Năm học : 2025-2026

Môn học : Quản trị bán hàng - MH1104271

Mã lớp học phần: 25211MH110427101 Số tín chỉ: 4

Giảng viên giảng dạy: Nguyễn Tiến Dũng - (04010)

Ngày thi: _____ Giờ thi: _____ Phòng thi: _____

Giám thị 1: _____ Ký tên: _____

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Mã lớp	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Ghi chú
1	2410100001	Nguyễn Đỗ Tuấn Anh	03/8/2003	C26QT1		7,0	Bảy, không	
2	2410100015	Triệu Thị Huỳnh Anh	13/8/2006	C26QT1		7,5	Bảy, năm	
3	2410100018	Trần Ngọc Ánh	16/07/2006	C26QT1		8,5	Tám, năm	
4	2410100021	Nguyễn Thị Kim Cương	09/04/2006	C26QT1		8,0	Tám, không	
5	2410100026	Lê Thanh Dương	22/12/2006	C26QT1		7,5	Bảy, năm	
6	2410100004	Tạ Duy Đăng	16/10/2006	C26QT1		6,5	Sáu, năm	
7	2410100019	Nguyễn Thị Thúy Hằng	28/02/2006	C26QT1		9,0	Chín, không	
8	2410100029	Lê Chí Hậu	05/11/2006	C26QT1		8,0	Tám, không	
9	2410100017	Nguyễn Đức Hậu	31/01/2006	C26QT1		8,0	Tám, không	
10	2410100025	Nguyễn Quốc Huy	10/06/2006	C26QT1		7,5	Bảy, năm	
11	2410100031	Nguyễn Bùi Tiểu Huyền	11/12/2006	C26QT1		8,5	Tám, năm	
12	2410100012	Võ Thị Ngọc Huyền	11/12/2006	C26QT1		9,0	Chín, không	
13	2410100003	Võ Nguyễn Ngọc Linh	07/09/2005	C26QT1		8,0	Tám, không	
14	2410100022	Kim Thị Thúy Ngân	18/05/2006	C26QT1		6,0	Sáu, không	
15	2410100028	Nguyễn Thị Kim Ngân	25/01/2006	C26QT1		8,5	Tám, năm	
16	2410100032	Lý Minh Nguyên	04/06/2006	C26QT1		7,0	Bảy, không	
17	2410100020	Phạm Thị Ái Nhi	03/08/2006	C26QT1		9,0	Chín, không	
18	2410100024	Phạm Kiều Nhung	06/09/2006	C26QT1		7,5	Bảy, năm	
19	2410100008	Nguyễn Trần Ngọc Thi	23/06/2002	C26QT1		8,5	Tám, năm	
20	2410100016	Lê Thị Ngọc Thu	23/03/2006	C26QT1		8,0	Tám, không	
21	2410100002	Phạm Trung Trực	04/07/2004	C26QT1		8,0	Tám, không	
22	2410100010	Trần Thanh Trúc Xuân	11/10/2002	C26QT1		8,0	Tám, không	

Lưu ý: - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi : 22 vắng thi: 0 . Số bài thi: 22 / _____.

Ngày 01 tháng 2 năm 2026.

P. TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

Trần Thị Hoa

Ngày 30 tháng 1 năm 2026

GIẢNG VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

Nguyễn Tiến Dũng

BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA ĐỊNH KỲ

Học kỳ 2 - Năm học : 2025-2026

Môn học : Quản trị bán hàng - MH1104271

Giám thị 1: _____ Ký tên: _____

Mã lớp học phần: 25211MH110427101 Số tín chỉ: 4

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giảng viên giảng dạy: Nguyễn Tiến Dũng - (04010)

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Ngày thi: _____ Giờ thi: _____ Phòng thi: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Mã lớp	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Ghi chú
1	2410100001	Nguyễn Đỗ Tuấn Anh	03/8/2003	C26QT1	<i>anh</i>	7,0	Bảy, không	
2	2410100015	Triệu Thị Huỳnh Anh	13/8/2006	C26QT1	<i>anh</i>	8,0	Tám, không	
3	2410100018	Trần Ngọc Ánh	16/07/2006	C26QT1	<i>anh</i>	8,0	Tám, không	
4	2410100021	Nguyễn Thị Kim Cương	09/04/2006	C26QT1	<i>Cương</i>	8,0	Tám, không	
5	2410100026	Lê Thanh Dương	22/12/2006	C26QT1	<i>Dương</i>	7,5	Bảy, năm	
6	2410100004	Tạ Duy Đăng	16/10/2006	C26QT1	<i>Duy</i>	6,5	Sáu, năm	
7	2410100019	Nguyễn Thị Thúy Hằng	28/02/2006	C26QT1	<i>Hằng</i>	9,0	Chín, không	
8	2410100029	Lê Chí Hậu	05/11/2006	C26QT1	<i>Hậu</i>	8,0	Tám, không	
9	2410100017	Nguyễn Đức Hậu	31/01/2006	C26QT1	<i>Hậu</i>	8,0	Tám, không	
10	2410100025	Nguyễn Quốc Huy	10/06/2006	C26QT1	<i>Huy</i>	7,5	Bảy, năm	
11	2410100031	Nguyễn Bùi Tiểu Huyền	11/12/2006	C26QT1	<i>Huyền</i>	8,5	Tám, năm	
12	2410100012	Võ Thị Ngọc Huyền	11/12/2006	C26QT1	<i>Huyền</i>	9,0	Chín, không	
13	2410100003	Võ Nguyễn Ngọc Linh	07/09/2005	C26QT1	<i>Linh</i>	8,0	Tám, không	
14	2410100022	Kim Thị Thúy Ngân	18/05/2006	C26QT1	<i>Ngân</i>	6,0	Sáu, không	
15	2410100028	Nguyễn Thị Kim Ngân	25/01/2006	C26QT1	<i>Ngân</i>	8,5	Tám, năm	
16	2410100032	Lý Minh Nguyên	04/06/2006	C26QT1	<i>Nguyên</i>	7,0	Bảy, không	
17	2410100020	Phạm Thị Ái Nhi	03/08/2006	C26QT1	<i>Nhi</i>	9,0	Chín, không	
18	2410100024	Phạm Kiều Nhung	06/09/2006	C26QT1	<i>Nhung</i>	7,5	Bảy, năm	
19	2410100008	Nguyễn Trần Ngọc Thi	23/06/2002	C26QT1	<i>Thi</i>	8,5	Tám, năm	
20	2410100016	Lê Thị Ngọc Thu	23/03/2006	C26QT1	<i>Thu</i>	8,0	Tám, không	
21	2410100002	Phạm Trung Trực	04/07/2004	C26QT1	<i>Trực</i>	8,0	Tám, không	
22	2410100010	Trần Thanh Trúc Xuân	11/10/2002	C26QT1	<i>Xuân</i>	8,0	Tám, không	

Lưu ý: - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi: 22 vắng thi: 0 Số bài thi: 22 / _____.Ngày 7 tháng 12 năm 2026.

P. TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

*Trần Thị Hoa*Ngày 6 tháng 12 năm 2026

GIẢNG VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

Nguyễn Tiến Dũng
65/85

BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA THƯỜNG XUYÊN

Học kỳ 2 - Năm học : 2025-2026

Môn học : Quản trị bán hàng - MH1104271

Mã lớp học phần: 25211MH110427101 Số tín chỉ: 4

Giảng viên giảng dạy: Nguyễn Tiến Dũng - (04010)

Ngày thi: _____ Giờ thi: _____ Phòng thi: _____

Giám thị 1: _____ Ký tên: _____

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Mã lớp	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Ghi chú
1	2410100046	Võ Hoàng	Bảo	29/11/2006	C26QT2	<i>Bao</i>	6,5	Sau, nam	
2	2410100042	Trần Thị Mỹ	Diệu	07/01/2006	C26QT2	<i>Diệu</i>	8,5	Tam, nam	
3	2410100035	Nguyễn Thị Thùy	Dương	16/02/2006	C26QT2	<i>Thùy</i>	8,0	Tam, nữ	
4	2410150052	Lê Minh	Đức	21/11/2006	C26QT2	<i>Đức</i>	6,5	Sau, nam	
5	2410100045	Trần Thị Hồng	Gấm	01/01/2006	C26QT2	<i>Gấm</i>	8,0	Tam, nữ	
6	2410100036	Đặng Trung	Hiếu	22/12/2006	C26QT2	<i>Hiếu</i>	7,5	Bay, nam	
7	2410100041	Tạ Nhật	Huy	11/12/2005	C26QT2	<i>Huy</i>	7,5	Bay, nam	
8	2410100038	Chung Lê Quốc	Hy	24/01/2006	C26QT2	<i>Hy</i>	8,5	Tam, nam	
9	2410100039	Nguyễn Hoàng	Kim	29/05/2006	C26QT2	<i>Kim</i>	8,5	Tam, nam	
10	2410100048	Trần Thị Hà	Ny	13/12/2006	C26QT2	<i>Ny</i>	8,0	Tam, nữ	
11	2410100033	Nguyễn Thị Hồng	Phúc	21/03/2006	C26QT2	<i>Phúc</i>	8,0	Tam, nữ	
12	2410100040	Nguyễn Thị Ngọc	Phượng	20/04/2006	C26QT2	<i>Phượng</i>	7,5	Bay, nam	
13	2410100044	Nguyễn Thị Minh	Thơ	18/05/2006	C26QT2	<i>Thơ</i>	8,5	Tam, nam	
14	2410100049	Lê Phước	Trung	17/10/2002	C26QT2	<i>Trung</i>	8,0	Tam, nữ	

Lưu ý: - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi : 14 vắng thi: 0 . Số bài thi: 14 / _____.Ngày 17 tháng 1 năm 2026.

P. TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

Trần Phú Hòa

Ngày 30 tháng 1 năm 2026

GIẢNG VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

Nguyễn Tiến Dũng

Học kỳ 2 - Năm học : 2025-2026

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

Nguyen Don Day

BẢNG ĐIỂM THI CUỐI KỲ - LẦN 1

Học kỳ 2 - Năm học : 2025-2026

Môn học : Quản trị bán hàng - MH1104271

Giám thị 1: Trần Thị Tuyền

Ký tên: VT

Mã lớp học phần: 25211MH110427101 Số tín chỉ: 4

Giám thị 2: Lê Thành Huy

Ký tên: VT

Giảng viên giảng dạy: Nguyễn Tiến Dũng

Giám thị 3: _____

Ký tên: _____

Ngày thi: 02/04/2026 Giờ thi: 07h45 Phòng thi: PM 2

Giám thị 4: _____

Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Chữ ký	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2410100001	Nguyễn Đỗ Tuấn Anh	03/8/2003	✓	✓	✓		C26QT1	VT
2	2410100015	Triệu Thị Huỳnh Anh	13/8/2006	anh				C26QT1	
3	2410100018	Trần Ngọc Ánh	16/07/2006	Ánh				C26QT1	
4	2410100046	Võ Hoàng Bảo	29/11/2006	Bảo				C26QT2	
5	2410100021	Nguyễn Thị Kim Cương	09/04/2006	Quang				C26QT1	
6	2410100042	Trần Thị Mỹ Diệu	07/01/2006	Diệu				C26QT2	
7	2410100026	Lê Thanh Dương	22/12/2006	Dương				C26QT1	
8	2410100035	Nguyễn Thị Thùy Dương	16/02/2006	Thùy				C26QT2	
9	2410100004	Tạ Duy Đăng	16/10/2006	Đăng				C26QT1	
10	2410150052	Lê Minh Đức	21/11/2006	Đức				C26QT2	
11	2410100045	Trần Thị Hồng Gấm	01/01/2006	Gấm				C26QT2	
12	2410100019	Nguyễn Thị Thúy Hằng	28/02/2006	Hằng				C26QT1	
13	2410100029	Lê Chí Hậu	05/11/2006	Hậu				C26QT1	
14	2410100017	Nguyễn Đức Hậu	31/01/2006	Hậu				C26QT1	
15	2410100036	Đặng Trung Hiếu	22/12/2006	Hiếu				C26QT2	
16	2410100025	Nguyễn Quốc Huy	10/06/2006	Huy				C26QT1	
17	2410100041	Tạ Nhật Huy	11/12/2005	Huy				C26QT2	
18	2410100031	Nguyễn Bùi Tiểu Huyền	11/12/2006	Huyền				C26QT1	
19	2410100012	Võ Thị Ngọc Huyền	11/12/2006	Huyền				C26QT1	
20	2410100038	Chung Lê Quốc Hy	24/01/2006	Hy				C26QT2	
21	2410100039	Nguyễn Hoàng Kim	29/05/2006	Kim				C26QT2	
22	2410100003	Võ Nguyễn Ngọc Linh	07/09/2005	Linh				C26QT1	
23	2410100022	Kim Thị Thúy Ngân	18/05/2006	Ngân	✓	✓	✓	C26QT1	VT
24	2410100028	Nguyễn Thị Kim Ngân	25/01/2006	Ngân				C26QT1	
25	2410100032	Lý Minh Nguyên	04/06/2006	Nguyên				C26QT1	
26	2410100020	Phạm Thị Ái Nhi	03/08/2006	Nhi				C26QT1	
27	2410100024	Phạm Kiều Nhung	06/09/2006	Nhung				C26QT1	
28	2410100048	Trần Thị Hà Ny	13/12/2006	Ny				C26QT2	
29	2410100033	Nguyễn Thị Hồng Phúc	21/03/2006	Phúc				C26QT2	
30	2410100008	Nguyễn Trần Ngọc Thi	23/06/2002	Thi				C26QT1	
31	2410100044	Nguyễn Thị Minh Thơ	18/05/2006	Thơ				C26QT2	
32	2410100016	Lê Thị Ngọc Thu	23/03/2006	Thu				C26QT1	
33	2410100049	Lê Phước Trung	17/10/2002	Trung	✓	✓	✓	C26QT2	VT
34	2410100002	Phạm Trung Trục	04/07/2004	Trục				C26QT1	

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Chữ ký	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
35	2410100010	Trần Thanh Trúc Xuân	11/10/2002	<i>[Signature]</i>				C26QT1	

Lưu ý: - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi : 32 vắng thi: 3 Số bài thi/Số tờ: 32 / _____.

Số sinh viên đạt: _____ Tỷ lệ đạt: _____ %

Ngày...4...tháng...4...năm...2026

P. TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

[Signature]
Trần Thị Hoa.

Ngày...2...tháng...4...năm...2026

GIÁO VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

[Signature]
Ngô Thị Ngọc Duyên

TRƯỜNG
PHÒNG
VÀ BÀI

BAN QUẢN LÝ CÁC KCX&CN TP.HCM
TRƯỜNG CAO ĐẲNG BC CÔNG NGHỆ
VÀ QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG ĐIỂM THI CUỐI KỲ - LẦN 1

Học kỳ: 2 - Năm học 2025-2026

Môn học: Quản trị bán hàng

Mã bài thi: 6CRUT8

Thời gian thi: 02/04/2026 07:45:00

Thời gian kết thúc: 02/04/2026 08:45:00

Giám thị 1: Bùi Thị Tuyên Ký tên: [Chữ ký]
Giám thị 2: Lê Thái Huy Ký tên: [Chữ ký]
Giám thị 3: _____ Ký tên: _____
Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2410100015	Triệu Thị Huỳnh Anh	13/08/2006	<u>anh</u>	7.6	Bảy, sáu	C26QT1	
2	2410100018	Trần Ngọc Ánh	16/07/2006	<u>[Chữ ký]</u>	8.2	Tám, hai	C26QT1	
3	2410100046	Võ Hoàng Bảo	29/11/2006	<u>Bao</u>	8.6	Tám, sáu	C26QT2	
4	2410100021	Nguyễn Thị Kim Cương	09/04/2006	<u>Quang</u>	9.4	Chín, bốn	C26QT1	
5	2410100004	Tạ Duy Đăng	16/10/2006	<u>[Chữ ký]</u>	9.6	Chín, sáu	C26QT1	
6	2410100042	Trần Thị Mỹ Diệu	07/01/2006	<u>[Chữ ký]</u>	8.6	Tám, sáu	C26QT2	
7	2410150052	Lê Minh Đức	21/11/2006	<u>[Chữ ký]</u>	8.2	Tám, hai	C26QT2	
8	2410100035	Nguyễn Thị Thùy Dương	16/02/2006	<u>[Chữ ký]</u>	8.4	Tám, bốn	C26QT2	
9	2410100026	Lê Thanh Dương	22/12/2006	<u>[Chữ ký]</u>	9.2	Chín, hai	C26QT1	
10	2410100045	Trần Thị Hồng Gấm	01/01/2006	<u>[Chữ ký]</u>	8	Tám	C26QT2	
11	2410100019	Nguyễn Thị Thúy Hằng	28/02/2006	<u>[Chữ ký]</u>	8.6	Tám, sáu	C26QT1	
12	2410100029	Lê Chí Hậu	05/11/2006	<u>[Chữ ký]</u>	8.8	Tám, tám	C26QT1	
13	2410100017	Nguyễn Đức Hậu	31/01/2006	<u>[Chữ ký]</u>	8.4	Tám, bốn	C26QT1	
14	2410100036	Đặng Trung Hiếu	22/12/2006	<u>[Chữ ký]</u>	8.4	Tám, bốn	C26QT2	
15	2410100025	Nguyễn Quốc Huy	10/06/2006	<u>[Chữ ký]</u>	8.8	Tám, tám	C26QT1	
16	2410100041	Tạ Nhật Huy	11/12/2005	<u>[Chữ ký]</u>	7.8	Bảy, tám	C26QT2	
17	2410100031	Nguyễn Bùi Tiểu Huyền	11/12/2006	<u>[Chữ ký]</u>	7.2	Bảy, hai	C26QT1	
18	2410100012	Võ Thị Ngọc Huyền	11/12/2006	<u>[Chữ ký]</u>	7.6	Bảy, sáu	C26QT1	
19	2410100038	Chung Lê Quốc Hy	24/01/2006	<u>[Chữ ký]</u>	7.6	Bảy, sáu	C26QT2	
20	2410100039	Nguyễn Hoàng Kim	29/05/2006	<u>[Chữ ký]</u>	8.2	Tám, hai	C26QT2	
21	2410100003	Võ Nguyễn Ngọc Linh	07/09/2005	<u>[Chữ ký]</u>	9	Chín	C26QT1	
22	2410100028	Nguyễn Thị Kim Ngân	25/01/2006	<u>[Chữ ký]</u>	8.4	Tám, bốn	C26QT1	
23	2410100032	Lý Minh Nguyên	04/06/2006	<u>[Chữ ký]</u>	8.6	Tám, sáu	C26QT1	
24	2410100020	Phạm Thị Ái Nhi	03/08/2006	<u>[Chữ ký]</u>	8.8	Tám, tám	C26QT1	
25	2410100024	Phạm Kiều Nhung	06/09/2006	<u>[Chữ ký]</u>	8.2	Tám, hai	C26QT1	
26	2410100048	Trần Thị Hà Ny	13/12/2006	<u>[Chữ ký]</u>	8	Tám	C26QT2	
27	2410100033	Nguyễn Thị Hồng Phúc	21/03/2006	<u>[Chữ ký]</u>	8	Tám	C26QT2	
28	2410100008	Nguyễn Trần Ngọc Thi	23/06/2002	<u>[Chữ ký]</u>	7.8	Bảy, tám	C26QT1	
29	2410100044	Nguyễn Thị Minh Thơ	18/05/2006	<u>[Chữ ký]</u>	9.4	Chín, bốn	C26QT2	
30	2410100016	Lê Thị Ngọc Thu	23/03/2006	<u>[Chữ ký]</u>	8	Tám	C26QT1	
31	2410100002	Phạm Trung Trực	04/07/2004	<u>[Chữ ký]</u>	9.2	Chín, hai	C26QT1	
32	2410100010	Trần Thanh Trúc Xuân	11/10/2002	<u>[Chữ ký]</u>	8.2	Tám, hai	C26QT1	

Lưu ý:

- Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Số sinh viên dự thi: 32

Số sinh viên đạt: 32

Ngày 4 tháng 4 năm 2026
P. TRƯỞNG KHOA/PHÒNG
(ký & ghi rõ họ tên)

Trần Thị Hoa

Ngày 2 tháng 4 năm 2026
GIẢNG VIÊN CHẤM THI
(ký & ghi rõ họ tên)

Nguyễn Văn Đạt